TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Số: 1362/NL&MT-KTKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

V/v cung cấp than cám

Kính gửi các Quý Khách Hàng !

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin được gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới các Quý Khách hàng.

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM trân trọng kính mời các Quý khách hàng gửi hồ sơ chào giá hàng hóa (chủng loại: than cám 4b.14) với các nội dung như sau:

A – Chỉ dẫn nhà cung cấp:

I. Nhà cung cấp phải chuẩn bị Hồ sơ chào giá bao gồm:

1. Đơn chào giá: Trong đó ghi rõ chủng loại, chất lượng, nguồn gốc than (than nhập khẩu, trong nước hoặc pha trộn, chế biến có nguồn gốc hợp pháp), số lượng, đơn giá, hiệu lực của hồ sơ chào giá.

2. Các tài liệu về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp.

3. Các tài liệu mô tả kỹ thuật cụ thể của hàng hóa, dịch vụ liên quan (nếu có).

II. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá: tối thiểu trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá (Hồ sơ chào giá có thời gian hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ bị loại).

III. Quy cách nộp Hồ sơ chào giá:

1. Hồ sơ chào giá để trong phong bì kín và còn nguyên niêm phong. Ghi rõ hồ sơ chào giá Cung cấp than cám, gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

2. Nơi nhận: Phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội; số điện thoại: 0243 845 7458).

3. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá: 13 giờ 30 phút ngày 18/11/2026.

B – Đánh giá hồ sơ chào giá:

I. Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:

1. Có Hồ sơ chào giá nộp không muộn hơn thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

2. Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

3. Giá chào ghi trong hồ sơ chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời chào giá; giá chào phải bằng Việt Nam đồng.

4. Thời gian hiệu lực của Hồ sơ chào giá đáp ứng yêu cầu.

Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

II. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: Sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt" để đánh giá. Hồ sơ chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí quy định tại các mục dưới đây được đánh giá là "đạt".

1. Tiêu chuẩn năng lực, kinh nghiệm:

STT	Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	Mức độ đáp ứng
	I. Quy định chung	
1	Doanh nghiệp có giấy chứng nhận kinh doanh than theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước và Pháp luật Việt Nam.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Cam kết không trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của Pháp luật thời điểm cung cấp than cho VICEM E&E (cam kết của doanh nghiệp).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Doanh nghiệp hạch toán tài chính độc lập	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
4	Cam kết không trong thời gian bị các cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu dừng hoạt động kinh doanh than (cam kết của doanh nghiệp)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
5	Nguồn gốc than có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. (Cụ thể: chứng minh nguồn gốc than qua các hợp đồng, hóa đơn mua bán...). Có bản cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa được chào giá.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
6	Chất lượng than phải đáp ứng theo tiêu chuẩn hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước, và theo yêu cầu của VICEM E&E. (Cụ thể: Theo TCVN hiện hành hoặc tương đương, TCCS. Phù hợp với yêu cầu của VICEM E&E).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
7	Doanh nghiệp có cam kết việc thực hiện khối lượng than của gói mua sắm này (nếu được lựa chọn là nhà cung cấp) không ảnh hưởng và không được loại trừ nghĩa vụ đối với các hợp đồng khác đã ký với Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM (nếu có).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
8	Có vốn điều lệ từ 20.000.000.000 đồng trở lên.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
	II. Doanh nghiệp cung cấp than pha trộn/ chế biến thương mại	
1	Đáp ứng các quy định thuộc phần I (quy định chung)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Có đủ điều kiện chế biến than theo quy định hiện hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Chứng minh được khả năng cung cấp đa dạng các chủng loại than khác nhau. (Cụ thể: qua các hợp đồng, hóa đơn mua bán than…).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt

4	Có Hợp đồng cung cấp than chế biến (gồm chủng loại, chất lượng, khối lượng than); Chất lượng than chế biến phải có chứng thư giám định chất lượng của cơ quan giám định độc lập với từng lô hàng. Có cam kết bằng văn bản về nguồn gốc than chế biến theo quy định của pháp luật hiện hành.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
5	Sở hữu hoặc thuê hệ thống kho bãi và thiết bị phù hợp để chế biến than đảm bảo độ đồng nhất của than, phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 8910:2020 hoặc của VICEM. (có tài liệu chứng minh kèm theo).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
III. Doanh nghiệp cung cấp than nhập khẩu		
1	Đáp ứng các quy định thuộc phần I (quy định chung)	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
2	Có hợp đồng với các tổ chức cung cấp than có nguồn gốc nhập khẩu (hợp đồng nhập khẩu than trực tiếp hoặc hợp đồng mua bán than có nguồn gốc nhập khẩu), có đầy đủ hồ sơ chứng minh than có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp (tờ khai hải quan thông quan hàng hóa, C/O, C/Q...).	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt
3	Cam kết than có nguồn gốc đúng theo hồ sơ chứng minh; chất lượng của than cung cấp tương ứng theo chứng thư giám định tại cảng nhập.	Đạt
	Trái điều kiện trên	Không đạt

2. Phạm vi cung cấp hàng hóa:

2.1. Hàng hóa:

- Than cám 4b.14.

2.2. Chất lượng: phương pháp phân tích chất lượng theo TCVN hiện hành (TCVN 8910:2020), chất lượng thỏa mãn các yêu cầu về kỹ thuật như sau:

TT	Chỉ tiêu	Than cám 4b.14
1	Cỡ hạt (mm): .	≤ 25
	Tỷ lệ hạt ≤ 15mm (%)	≥ 90
	Tỷ lệ hạt > 15mm và ≤ 25mm (%)	< 10
2	Độ tro khô, A^k (%):	
	Giới hạn:	23,01 ÷ 27,00
3	Hàm lượng độ ẩm toàn phần, W^{tp} (%):	
	Trung bình:	8,50
	Giới hạn, không lớn hơn:	13,00
4	Chất bốc khô, V^k (%):	
	Giới hạn:	10,01 ÷ 14,00
5	Lưu huỳnh chung khô, S^k_{ch} (%)	
	Giới hạn, không lớn hơn:	0,90
6	Trị số tỏa nhiệt toàn phần khô Q^k_{gr} Cal/g:	
	Không nhỏ hơn:	5.951
Than không lẫn các loại tạp chất có hại cho sản xuất xi măng và lẫn các vật liệu khác như cát, sỏi, gạch , đá, bê tông, sắt, thép, rễ cây...		

2.3. Khối lượng: 50.000 tấn ± 10%. Khối lượng ký kết hợp đồng có thể thay đổi theo nhu cầu sử dụng, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM.

2.4. Địa điểm giao hàng:

Giao hàng lên phương tiện bên Mua tại mép nước các cảng/bến rót hàng thuộc khu vực Quảng Ninh, Hải Phòng, Ninh Bình hoặc lên kho, bãi…của bên Mua (bãi khu vực Hải Phòng: Tự Long, Gia Đức; bãi Mặt Trời Việt - Ninh Bình).

2.5. Giá chào cụ thể theo địa điểm giao hàng.

2.6. Tiến độ và thời gian thực hiện: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/3/2027.

2.7. Điều kiện thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hàng hóa xuất hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên Mua nhận được bộ chứng từ thanh toán đầy đủ, hợp lệ.

2.8. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

III. Đánh giá về giá:

- Áp dụng phương pháp giá thấp nhất đối với từng địa điểm giao hàng.
- Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá hợp lệ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật thì tiếp tục được đánh giá về giá. Đơn vị được đánh giá về giá, có đơn giá chào (sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh, trừ giá trị giảm giá) thấp nhất sẽ được xem xét mời đàm phán, thương thảo Hợp đồng.

Rất mong nhận được Hồ sơ chào giá của các Quý Khách hàng!

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100106352 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM
P. PHỐ CHỢ DỪA - TP. HÀ NỘI

Trịnh Công Giang